

Biến đổi sinh kế của người Khmer ở vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang

Nguyễn Viết Phan*

Nhận ngày 18 tháng 4 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 03 tháng 11 năm 2025.

Tóm tắt: Người Khmer là cộng đồng sinh sống lâu năm ở vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang. Từ sau Đổi mới (1986) đến nay, quá trình biến đổi sinh kế của người Khmer ở vùng Bảy Núi có nhiều thay đổi diễn ra ở cả hai phương diện, *thứ nhất* là biến đổi về kỹ thuật, tập quán sản xuất trong các loại hình sinh kế truyền thống; *thứ hai* là sự tham gia của người Khmer vào các loại hình sinh kế mới. Những biến đổi trên là sự tác động chủ yếu của các yếu tố như: môi trường sinh thái, chính sách của Nhà nước và kinh tế thị trường. Để phát triển bền vững vùng Bảy Núi, Nhà nước cần có những chính sách, giải pháp phù hợp trong việc sử dụng, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên trong hoạt động mưu sinh và bảo tồn, phát huy được các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người Khmer nơi đây.

Từ khóa: Biến đổi sinh kế, người Khmer, Bảy Núi.

Phân loại ngành: Nhân học

Abstract: Khmer people are a long-settled community living in the Bảy Núi (seven mountains) region, An Giang province. The process of livelihood transformation of Khmer people in Bảy Núi region has changed since Đổi mới (renovation) in 1986, taking place in both aspects: the first is the transformations in techniques and production practices within traditional livelihood activities; the second is the participation of Khmers in new forms of livelihoods. The above changes are caused by the main impact of factors such as the ecological environment, national policies, market economy. In order to sustainably development in the Bảy Núi region, the government needs to adopt appropriate policies and solutions in the rational use and exploitation of natural resources in livelihood activities, conservation, and promotion of traditional cultural values of the Khmer community in this area.

Keywords: Livelihood transformation, Khmer people, Bảy Núi.

Subject classification: Anthropology

1. Đặt vấn đề

Người Khmer sống rải rác ở các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) như: An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang... Ở tỉnh An Giang, người Khmer tập trung chủ yếu sống ở vùng Bảy Núi thuộc Thị xã Tịnh Biên và huyện Tri Tôn (nay là phường Tịnh Biên, phường Thới Sơn, phường Chi Lăng, xã An Cư, xã Núi Cấm, xã Tri Tôn, xã Cô Tô, xã Ô Lâm, xã Vĩnh Gia, xã Ba Chúc tỉnh An Giang theo Nghị quyết 60-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về sát nhập địa giới từ ngày 01 tháng 7 năm 2025). Trong cuộc tổng điều tra dân số năm 2019, người Khmer có 18.512 hộ với 86.592 người, chiếm tỷ lệ 75,54% so tổng số người dân tộc thiểu số và chiếm 3,9% so tổng dân số toàn tỉnh An Giang. Riêng khu vực Bảy Núi trong đó có 16.838 hộ với dân số khoảng 80.000 người, chiếm gần 94% tổng số dân tộc Khmer toàn tỉnh (Cục Thống kê tỉnh An Giang, 2021). Nguồn sống chính của người Khmer trước đây là trồng lúa, hoa màu kết hợp khai thác nguồn lợi tự nhiên, chăn nuôi, làm nghề thủ công truyền thống (P. Taylor, 2014; Vương Xuân Tình, 2020). Từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới, sinh kế của người Khmer đã có những chuyển biến, chủ yếu

* Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Email: nguyenvietphan7490@gmail.com, nvphan@ntt.edu.vn

do các chính sách của Đảng và Nhà nước, tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật và tác động của nền kinh tế thị trường. Quá trình chuyển biến này diễn ra nhanh chóng và mạnh mẽ trong bối cảnh địa phương công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới. Ngày nay, vùng Bảy Núi đã xây dựng và đưa vào hoạt động một số khu công nghiệp với các công ty chuyên về may mặc và chế biến nông sản. Ngoài ra, vùng Bảy Núi còn là một địa danh nổi tiếng và có một vị trí quan trọng trong sự phát triển của ngành du lịch tỉnh An Giang. Người Khmer ở đây đã từng bước hòa nhập vào các hoạt động du lịch. Tuy nhiên, quá trình thay đổi sinh kế của người Khmer cũng như việc quy hoạch phát triển của các ngành, các cấp tại tỉnh An Giang đang đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm giải quyết.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu về người Khmer ở Nam Bộ nói chung và ĐBSCL nói riêng về các vấn đề như: lịch sử tộc người, vấn đề văn hóa, tín ngưỡng - tôn giáo, hình thái cư trú... thì vấn đề sinh kế cũng là một trong những hướng nghiên cứu của nhiều nhà khoa học. Trong những nghiên cứu đó, có những công trình nghiên cứu về sinh kế của tộc người Khmer ở Nam Bộ nói chung, ĐBSCL nói riêng. Qua phân tích vấn đề di cư lao động từ góc nhìn bất ổn sinh kế, tác giả cho rằng việc phát triển vùng nông thôn người Khmer ở ĐBSCL còn nhiều thách thức, trong đó giáo dục và việc thực thi các chính sách phát triển nông nghiệp nổi lên như những việc làm quan trọng (Ngô Thị Phương Lan, 2012). Quá trình xây dựng nông thôn mới ở vùng ĐBSCL nói chung, vùng Khmer nói riêng đang diễn ra trong bối cảnh cư dân phân hóa giàu nghèo, chuyển đổi sinh kế và di cư ra khỏi cộng đồng mạnh mẽ nhưng sẽ không đảm bảo được cộng đồng, xã hội, văn hóa của nông thôn vùng ĐBSCL sẽ được phát triển bền vững và có bản sắc (Ngô Thị Phương Lan, 2017). Nông thôn mới hiện nay đang cần các nguồn lực từ các phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội để đảm bảo các khả năng: bảo đảm sinh kế cho người nghèo; ngăn chặn sự mở rộng của bất bình đẳng hiện còn phổ biến; mang lại những cơ hội mới cho người nghèo và người không có đất sản xuất, những cơ hội mà trước đây không sẵn có với họ; giúp bảo tồn các cộng đồng nông thôn và quan hệ xã hội có truyền thống tốt đẹp; đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa sinh kế/ phi nông nghiệp ngay ở nông thôn để giảm di cư (Phạm Thanh Thời, 2014). Các phương thức mưu sinh hay sinh kế của người dân hiện nay là kết quả của quá trình thích nghi với môi trường sinh thái, nhu cầu của thị trường, sự tác động của các chính sách phát triển kinh tế của nhà nước, và sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người diễn ra tại vùng đất này. Mặc dù tộc người Khmer nhận được nhiều chính sách hỗ trợ của nhà nước nhưng sinh kế của họ vẫn còn nhiều bấp bênh, phụ thuộc mạnh mẽ vào quy luật của nền kinh tế thị trường vốn tiềm ẩn nhiều rủi ro (Ngô Thị Phương Lan, 2019). Các nghiên cứu trên chủ yếu nghiên cứu người Khmer ở Trà Vinh, Sóc Trăng và người Khmer ở ĐBSCL di cư lên các tỉnh Đông Nam Bộ. Mỗi công trình đứng dưới những góc độ khác nhau để giải quyết vấn đề, gợi mở nhiều ý tưởng để có thể kế thừa và phát triển. Bài viết này tìm hiểu sự biến đổi sinh kế của người Khmer ở vùng Bảy Núi trong bối cảnh áp dụng mạnh mẽ các thành tựu khoa học kỹ thuật, ảnh hưởng từ nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Đồng thời tìm hiểu các yếu tố tác động và những hệ quả của quá trình biến đổi sinh kế của người Khmer ở vùng Bảy Núi.

2. Tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi tiếp cận khái niệm sinh kế và biến đổi sinh kế để phân tích sự thích nghi của người Khmer với môi trường sinh thái khu vực Bảy Núi với đặc điểm là vùng bán sơn địa, đồng thời chúng tôi cũng phân tích sự thích nghi của người Khmer trước sự tác động của nền kinh tế thị trường và các chủ trương chính sách của nhà nước. Để giải thích quá trình biến đổi sinh kế của cư dân vùng Bảy Núi, bài nghiên cứu áp dụng ba lý thuyết chính: lý thuyết sinh thái học văn hóa, lý thuyết lựa chọn duy lý và cách tiếp cận duy tính. Lý thuyết sinh thái học văn hóa, theo Julian Steward, nhấn mạnh sự thích nghi sáng tạo của con người

đổi với môi trường sống địa phương, trong đó các cộng đồng phát triển các phương thức sinh kế phù hợp với đặc thù của từng môi trường. Lý thuyết lựa chọn duy lý, được phát triển từ các nghiên cứu của Adam Smith, lý giải hành vi con người thông qua việc tối đa hóa lợi ích cá nhân dựa trên các lựa chọn hợp lý trong bối cảnh các giới hạn về thông tin và nguồn lực (Samuel L. Popkin, 1979). Tuy nhiên, lý thuyết này gặp phải hạn chế khi không xem xét đầy đủ yếu tố văn hóa và xã hội ảnh hưởng đến hành vi con người, do đó cách tiếp cận duy tình của James Scott được đưa ra để bổ sung, tập trung vào nguyên tắc an toàn và tránh rủi ro trong các quyết định của người nông dân, đặc biệt trong bối cảnh nông nghiệp có nhiều bất ổn. Sự kết hợp giữa lý thuyết lựa chọn duy lý và cách tiếp cận duy tình trong nghiên cứu này giúp làm rõ sự chuyển đổi các chiến lược sinh kế của cộng đồng Khmer ở vùng Bảy Núi, từ việc lựa chọn các phương thức mưu sinh hợp lý đến việc ưu tiên các chiến lược giảm thiểu rủi ro. Quá trình thích nghi của cộng đồng Khmer với môi trường sống và các chính sách phát triển nông nghiệp đã dẫn đến việc chuyển đổi từ các phương thức sản xuất truyền thống sang các chiến lược sinh kế đa dạng và thích ứng hơn, giúp tăng thu nhập và giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh biến đổi môi trường và khí hậu.

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu đề ra và có cái nhìn toàn diện, chúng tôi đã tiếp cận nghiên cứu theo hướng liên ngành từ nhiều nguồn tài liệu đa dạng khác nhau bao gồm cả tài liệu sơ cấp và thứ cấp. Về tài liệu thứ cấp chúng tôi thực hiện thu thập tra cứu và phân tích các văn bản, thư tịch. Bên cạnh đó, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến nguồn tài liệu sơ cấp. Đây là một nguồn tài liệu quan trọng được chúng tôi thu thập trực tiếp từ các thành viên trong cộng đồng người Khmer ở vùng Bảy Núi về hoạt động sinh kế. Để có được nguồn dữ liệu này chúng tôi đã tiến hành 4 cuộc điền dã tại địa phương và sử dụng 2 kỹ thuật chính: phỏng vấn sâu và quan sát tham dự (4 cuộc điền dã diễn ra vào các thời điểm: lần 1 - tháng 2/2020; lần 2 tháng 5/2020; lần 3 tháng 10/2020; lần 4: tháng 4/2022). Trong bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu về sự biến đổi sinh kế của người Khmer vùng Bảy Núi, An Giang từ năm 1986 cho đến nay. Chúng tôi đã tiến hành điền dã dân tộc học tại thực địa và sử dụng 2 kỹ thuật nghiên cứu chính: phỏng vấn sâu và quan sát tham dự. Chúng tôi đã tiến hành 27 cuộc phỏng vấn sâu với nhiều đối tượng trong cộng đồng như: người trong bộ máy chính quyền, các chức sắc tôn giáo (sư, archa), những người dân Khmer đang tham gia các hoạt động sinh kế hiện nay ở 3 xã của 2 huyện gồm xã Vĩnh Trung và Văn Giáo của thị xã Tịnh Biên (nay là xã An Cư, tỉnh An Giang); xã Châu Lăng của huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (nay là xã Tri Tôn, tỉnh An Giang).

3. Sự biến đổi sinh kế của người Khmer

3.1. Sự biến đổi trong hoạt động sinh kế truyền thống

Khai thác tự nhiên: Số người hoạt động trong lĩnh vực này ngày một ít. Bên cạnh sử dụng các công cụ và kỹ thuật truyền thống, người Khmer vùng Bảy Núi hiện nay còn sử dụng các công cụ và kỹ thuật mới. Việc sử dụng sản vật thu hoạch được cũng thay đổi so với trước đây, sản phẩm không chỉ phục vụ người dân trong cộng đồng mà còn phục vụ cho khách du lịch và thực khách ở các thành phố lớn. Một số giống cây rừng được nuôi trồng để thuận tiện khai thác.

Trồng trọt: hoạt động kinh tế truyền thống chủ đạo của người Khmer ở Bảy Núi là nông nghiệp. Đất đai được họ dành phần lớn cho việc trồng lúa và hoa màu. Ruộng trồng lúa là chính và rẫy trồng hoa màu, cây ăn trái... trong đó canh tác lúa nước là hình thức chủ yếu trong nền kinh tế Khmer. Biến đổi lớn nhất trong trồng trọt là *giống*. Các giống cây trồng mới được đưa vào sản xuất nhằm tăng năng suất, sản lượng. Bên cạnh đó *kỹ thuật: làm đất, làm mạ, làm cỏ, bón phân, thu hoạch...* thay đổi nhiều so với trước đây sau khi đã áp dụng khoa học kỹ thuật. Điều này làm biến đổi cơ bản *tập quán sản xuất* của người Khmer Bảy Núi. Diện tích, quy mô, thời vụ trong trồng trọt các giống lúa, hoa màu và cây ăn trái cũng thay đổi nhiều so với trước đây.

Nghề thủ công: hoạt động sản xuất thủ công nghiệp đã gắn bó mật thiết với cư dân Khmer ở vùng Bảy Núi, An Giang từ lâu đời. Người Khmer làm ra các sản phẩm thủ công để đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt trong gia đình và trao đổi, mua bán. Hiện nay, người Khmer nơi đây còn tham gia ở một số nghề thủ công như: nghề dệt thổ cẩm, nghề nấu đường thốt nốt, nghề làm gôm. Tuy nhiên, nhóm nghề này hiện nay có nhiều biến động, một số nghề bị mai một. Thợ thủ công Khmer hiện nay phải thay đổi kỹ thuật, cách thức, quy mô sản xuất, mẫu mã sản phẩm so với trước đây.

Chăn nuôi: trong hoạt động nông nghiệp cổ truyền, chăn nuôi và trồng trọt vốn là hai thành phần có quan hệ mật thiết với nhau. Trước đây, chăn nuôi là một hoạt động không thể thiếu trong việc cung cấp sức kéo, phân bón cho trồng trọt nhất là trong canh tác lúa trong điều kiện cơ khí hóa chưa có hoặc hạn chế. Ở Bảy Núi phát triển mạnh, đặc biệt là mô hình nuôi bò vỗ béo. Hiện nay, người Khmer đã thay đổi kỹ thuật nuôi và nhân giống bò. Bên cạnh đó, các giống, loài mới cũng được đưa vào chăn nuôi tạo sự đa dạng về giống, chủng loài như: dê, nai...

Nghề đánh xe ngựa: từ xa xưa, đa số người dân Bảy Núi sống bằng nghề nông - lâm kết hợp và thường xuyên chở nông sản thực phẩm, ra chợ mua bán, trao đổi mà phương tiện phổ biến nhất vẫn là xe bò và xe ngựa. Khi vùng đất này còn hoang sơ ít phương tiện đi lại, nghề đánh xe ngựa vùng Bảy Núi là một trong những sinh kế thể hiện một sự thích nghi với môi trường sinh thái để hình thành nên văn hóa đặc trưng vùng Bảy Núi. Xe ngựa chủ yếu được dùng để chở nông sản thực phẩm, ra chợ mua bán, trao đổi và được dùng để đưa rước cô dâu và thân tộc của hai bên gia đình cô dâu chú rể trong đám cưới người Khmer. Hiện nay, do sự phát triển của cơ sở hạ tầng, xe cơ giới khiến thu nhập của nghề này trở nên bấp bênh, không ổn định chỉ còn vài chục người tham gia, chủ yếu tập trung ở xã Vĩnh Trung, thị xã Tịnh Biên (nay là xã An Cư, tỉnh An Giang). Xe hiện nay được thay đổi kết cấu và chủ yếu phục vụ mục đích vận chuyển hàng hóa.

Nghề kinh doanh buôn bán: trước đây người Khmer ở Bảy Núi, An Giang cũng như cộng đồng của họ trong toàn Nam Bộ ít chú ý đến việc trao đổi, mua bán và dịch vụ. Hoạt động trao đổi, buôn bán trong nông thôn ở vùng người Khmer hầu hết là do người Hoa, người Kinh đảm nhận. Hiện nay, người Khmer đặc biệt là giới trẻ không còn tâm lý “không thích cạnh tranh, đua chen để làm giàu” mà thay vào đó là những ước muốn làm giàu mạnh mẽ. Mặt hàng kinh doanh chủ yếu là đặc sản, ẩm thực, vật tư nông nghiệp, bò... Người Khmer trẻ tận dụng kinh doanh trên các mạng xã hội và các trang thương mại điện tử.

3.2. Các hoạt động sinh kế mới

Nghề trồng và bảo vệ rừng: Năm 1991, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành chính sách khôi phục lại rừng phòng hộ đồi núi, với phương thức giao khoán đất rừng cho nhân dân trồng, chăm sóc và bảo vệ. Đến năm 1998, Chương trình này được tiếp nối bởi Dự án 661. Chương trình và Dự án có chung mục tiêu là khuyến khích việc trồng và bảo vệ rừng, tạo điều kiện cho người dân Khmer được hưởng lợi, nâng cao mức sống từ rừng. Từ năm 2000, việc giao rừng được đẩy mạnh và hoàn thành vào năm 2005. Đến nay đã có nhiều hộ dân Khmer đứng ra nhận khoán đất rừng để được nhận tiền trợ cấp trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và có đất để canh tác tạo thêm thu nhập cho gia đình. Bên cạnh việc nhận khoán, bảo vệ rừng, người Khmer ở Bảy Núi trồng cây lấy gỗ, sau đó họ trồng đan canh và xen canh cây dược liệu và cây ăn trái dưới tán rừng.

Làm công nhân - làm thuê (phi nông nghiệp): sau năm 1986, lực lượng người Khmer làm thuê lĩnh vực phi nông nghiệp ngày một tăng cao. Từ năm 2000 đã có những người Khmer di cư làm công nhân ở các thành phố lớn ở Đông Nam Bộ. Đến năm 2004 khu vực Bảy Núi đã có một số công ty, khu công nghiệp được xây dựng tại địa phương, một số người dân Khmer tham gia làm công nhân tại các công ty này. Đây là nguồn thu nhập chủ đạo của rất

nhieu hộ người Khmer ở Bảy Núi hiện nay. Gần đây có một bộ phận không nhỏ người Khmer Bảy Núi do thiếu đói, nợ nần, mùa màng thất bát đã phải cầm cố, cho thuê, bán ruộng đất để chuyển sang làm thuê như một nghề chính. Do thiếu kỹ năng ngành nghề phi nông nghiệp, thiếu bằng cấp nên phần lớn những người Khmer đi làm thuê ngắn hạn tại khu vực gần mình cư trú như trong lĩnh vực nông nghiệp dưới hình thức lao động chân tay.

Ngoài việc đi làm thuê trong nông nghiệp hoặc tìm đến những ngành nghề phi nông nghiệp như vừa nêu trên, còn có một cách giải quyết quan trọng nữa đối với lao động trong gia đình, đó là chọn lựa giải pháp đi xuất khẩu lao động. Tuy nhiên, số lượng người Khmer đi xuất khẩu lao động ở Bảy Núi là rất hạn chế do đòi hỏi tay nghề và ngoại ngữ. Chi phí đầu tư cho việc học nghề và ngoại ngữ nhằm xuất khẩu lao động được cho là cao hơn nhiều so với năng lực tài chính của phần lớn các hộ dân Khmer.

Dịch vụ du lịch: An Giang nói chung, Bảy Núi nói riêng là một trong những điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước. Hiện nay, người Khmer tham gia ở nhiều hoạt động trong dịch vụ du lịch như: chờ khách đi tham quan; kinh doanh ăn uống; du lịch làng nghề; dịch vụ lưu trú (homestay); bán hàng đặc sản, quà lưu niệm; làm thuê cho công ty du lịch; nhà vườn du lịch. Việc phát triển du lịch là cơ hội để người Khmer “trình diễn văn hóa của mình”, điều này không chỉ hỗ trợ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống mà còn góp phần đa dạng hóa sinh kế, tăng thêm nguồn thu nhập cho người dân Khmer vùng Bảy Núi. Sinh kế du lịch và sinh kế liên quan trực tiếp đến du lịch của vùng Bảy Núi bước đầu có những thành quả đáng ghi nhận. Kinh tế nhiều hộ gia đình tăng lên, thậm chí là hoàn toàn thay đổi từ khi tham gia vào hoạt động du lịch. Trên phương diện phát triển sinh kế, du lịch được coi là ngành đem lại nguồn lực tài chính lớn; là hướng sinh kế mới. Doanh thu từ hoạt động du lịch của thị xã Tịnh Biên và huyện Tri Tôn năm 2015 là 243,2 tỷ đồng, đến năm 2020 tăng lên 3.672,446 tỷ đồng. Tuy nhiên, tình trạng các dịch vụ du lịch mà người Khmer tại địa phương thực hiện đều nhỏ lẻ và tự phát nên còn nhiều tiềm năng du lịch chưa được khai thác để có thể đem lại nguồn lợi cao hơn từ dịch vụ du lịch.

3.3. Chiến lược sinh kế của người Khmer ở vùng Bảy Núi, An Giang

Để đạt được lợi ích kỳ vọng người Khmer vùng Bảy Núi đã đưa ra chiến lược sinh kế nhằm tối đa hóa lợi nhuận (*profit maximizing*) hoặc né tránh rủi ro (*risk-averse*). Biểu hiện của chiến lược *né tránh rủi ro* thể hiện ở việc một đặc điểm như sau: (1) Đa dạng sinh kế trong cùng một nông hộ, tức một trong một hộ vừa tham gia trồng lúa vừa tham gia sản xuất nông nghiệp, hoặc vừa tham gia trồng cây ăn trái vừa chăn nuôi...; (2) Đa canh, xen canh, lựa chọn giống lúa phù hợp cho từng mùa vụ để đảm bảo an ninh lương thực; (3) Tâm lý ngại ứng dụng kỹ thuật mới; (4) Chiến lược dựa vào mạng lưới cộng đồng tộc người dưới áp lực của đô thị hóa và lối sống đô thị chi phối khi di dân; (5) Ưu tiên học tập kinh nghiệm sản xuất của người trong cộng đồng.

Bên cạnh việc né tránh rủi ro, người Khmer vùng Bảy Núi cũng thực hiện một số biện pháp nhằm *tối đa hóa lợi nhuận - chấp nhận rủi ro* như: (1) Đầu tư máy móc, trang thiết bị sản xuất; (2) Mở rộng quy mô sản xuất, diện tích chuồng trại, số lượng vật nuôi, mua thêm đất canh tác; (3) Áp dụng kỹ thuật mới, mô hình sản xuất mới học từ các chuyên gia thông qua hội thảo, tập huấn. (4) Tham gia vào một số chuỗi giá trị có tiềm năng phát triển cao như tổ hợp tác - hợp tác xã. Tư duy hướng đến tối đa hóa lợi nhuận đa số là những người Khmer có điều kiện kinh tế tốt, có vốn kinh nghiệm phong phú hoặc trình độ học vấn cao, chịu khó học hỏi và áp dụng kỹ thuật mới để đầu tư sản xuất. Mặc dù đa dạng các loại hình kiếm sống song mỗi hộ gia đình người Khmer ở Bảy Núi, dù ít dù nhiều, đều có ít nhất một người tiếp tục duy trì công việc làm nông nghiệp, chứng tỏ họ luôn đề cao sinh kế truyền thống trong việc đảm bảo an ninh lương thực cho gia đình trước những rủi ro bất trắc.

4. Các yếu tố tác động và hệ quả của quá trình biến đổi sinh kế của người Khmer vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang

4.1. Những yếu tố tác động đến biến đổi sinh kế của người Khmer vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang

Môi trường sinh thái: môi trường sinh thái độc đáo của vùng Bảy Núi đã góp phần tạo nên sự đa dạng sinh kế truyền thống cũng như thúc đẩy các hoạt động sinh kế mới như dịch vụ du lịch, nghề trồng và bảo vệ rừng. Môi trường sinh thái có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển sinh kế nhất là đôi với khu vực coi nông nghiệp là kinh tế chủ đạo. Môi trường sinh thái tác động đến việc phân bố cây trồng, thời vụ, kỹ thuật canh tác, năng suất sản lượng... Trong những năm gần đây biến đổi khí hậu, sự suy thoái môi trường sinh thái đã có những tác động tiêu cực đến sinh kế của người Khmer gây ra tình trạng mất mùa, buộc phải thay đổi cây trồng, chuyển đổi sinh kế mới.

Yếu tố kinh tế thị trường: trong nền kinh tế thị trường hiện nay nhu cầu thị trường sẽ quyết định hàng hóa sản xuất. Yếu tố kinh tế thị trường đã tác động đến việc lựa chọn thay đổi giống cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp. Đối với nghề thủ công truyền thống yếu tố này làm thay đổi kỹ thuật, quy mô và chủng loại sản xuất. Đặc biệt nhu cầu thị trường cũng là một trong những yếu tố tác động đến sự xuất hiện của các ngành nghề mới. Bên cạnh đó biến động giá cả, trượt giá vật tư sản xuất như: con giống, cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hay sự biến động về giá cả đầu ra ảnh hưởng đến chiến lược sinh kế của người Khmer.

Chính sách của nhà nước: các chính sách của nhà nước đã góp phần phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương, đồng thời hỗ trợ cho người dân Khmer đất, nhà ở và tài chính là nền tảng cơ bản để phát triển sản xuất. Thông qua các hội thảo, tập huấn hướng dẫn người dân ứng dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao tay nghề và thay đổi tập quán trong sản xuất, đồng thời liên kết với các doanh nghiệp bao tiêu đầu ra cho người dân góp phần thay đổi chuỗi sản xuất. Chính sách của địa phương cũng giúp định hướng chuyển đổi cây trồng vật nuôi phù hợp với nhu cầu thị trường, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế góp phần hình thành sinh kế mới cho cộng đồng người Khmer nơi đây.

4.2. Hệ quả của quá trình biến đổi sinh kế đến người Khmer vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang hiện nay

Biến đổi đầu tiên cần nhắc đến là biến đổi về mặt kinh tế, biến đổi sinh kế ở vùng Bảy Núi đã dẫn đến sự thay đổi cơ cấu kinh tế và đa dạng hóa ngành nghề theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Biến đổi tiếp theo cần nhắc đến là biến đổi đời sống vật chất và đời sống tinh thần thể hiện ở các mặt như: ăn uống; trang phục; nhà ở; phương tiện đi lại; ngôn ngữ; âm nhạc; sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đời sống sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo, các nghi lễ vòng đời. Bên cạnh đó biến đổi sinh kế còn gây ra những tác động tiêu cực đến văn hóa truyền thống của người Khmer như: văn hóa phi vật thể bị mai một, sự đứt gãy của cấu trúc truyền thống, sự mất mát của tri thức bản địa, luật tục, quan niệm về đạo đức gia đình, xã hội cũng đã thay đổi. Hiện tượng di dân lao động không đem lại giá trị sinh kế bền vững mà còn kéo theo sự xuất hiện một số tệ nạn xã hội tại địa phương. Bên cạnh đó, những trẻ em có cha mẹ di dân lao động lại bị đẩy vào vòng luẩn quẩn bất ổn sinh kế - nghèo - thất học (Ngô Thị Phương Lan, 2012).

Không thể phủ nhận rằng các chương trình, chính sách phát triển và “hiện đại hóa” kinh tế - xã hội của nước ta có tác động to lớn đến việc chuyển đổi sinh kế của các cộng đồng cư dân địa phương. Tuy nhiên, các chương trình mang hơi hướng “cách mạng xanh” đã làm

mất đi “đạo lý tự cấp tự túc” (*subsistence ethic*) của người nông dân (Scott Jame C, 1976). Tăng cường thâm canh nông nghiệp trong thời gian dài không phải là biện pháp sinh kế bền vững, thậm chí còn gây ra nhiều hệ lụy, làm suy giảm chức năng của hệ sinh thái như giảm đa dạng sinh học, tăng dịch bệnh và giảm độ phì nhiêu của đất (Hoàng Cẩm & Phạm Quỳnh Phương, 2012). Một số sinh kế mới còn tác động đến việc ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, việc tiếp cận chính sách hay vay vốn để chuyển đổi sinh kế của các hộ dân còn nhiều bất cập, chưa tạo tính đồng bộ.

5. Kết luận

Biến đổi sinh kế của người Khmer diễn ra ở cả hai phương diện, phương diện thứ nhất là biến đổi về kỹ thuật, tập quán sản xuất khi áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất; phương diện thứ hai là sự tham gia của người Khmer vào các loại hình sinh kế mới. Sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo nhưng không còn giữ thế độc tôn trong cơ cấu kinh tế khi xuất hiện một số hình thức sinh kế mới như: nghề công nhân, dịch vụ du lịch, buôn bán, kinh doanh,... Những biến đổi về sinh kế của người Khmer vùng Bảy Núi có được ngoài tác động của yếu tố môi trường sinh thái, các chính sách, sự đầu tư hỗ trợ của Nhà nước, kinh tế thị trường, còn do sự nỗ lực nội thân của từng gia đình, phum sóc và cộng đồng người Khmer tại đây. Trong quá trình chuyển đổi sinh kế người Khmer ở Bảy Núi cho thấy sự đan xen tư duy của nền kinh tế nông nghiệp với đặc trưng “trọng tình”, sợ sự thay đổi, sợ rủi ro, luôn quan tâm đến sự “an toàn” của gia đình và nền kinh tế duy lý với mục tiêu là “tối đa hóa lợi nhuận”.

Biến đổi văn hóa như là một phần hệ quả của biến đổi sinh kế. Các biến đổi về mặt kinh tế diễn ra trước còn các biến đổi văn hóa xảy ra sau. Chúng tôi cho rằng, đây như là một quy luật của sự phát triển những biến đổi văn hóa xã hội thường chậm hơn so với những biến đổi kinh tế. Bên cạnh những giá trị tích cực mà quá trình biến đổi sinh kế của người Khmer vùng Bảy Núi đem lại thì cũng đặt ra một số vấn đề cần giải quyết. Để một nền kinh tế phát triển bền vững, cần có những chính sách, giải pháp phù hợp trong việc sử dụng, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên, phát huy được các nguồn mưu sinh của cộng đồng và điều quan trọng nhất là bảo tồn và phát huy được các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người.

Tài liệu tham khảo

- Cục Thống kê tỉnh An Giang. (2021). *Niên giám thống kê tỉnh An Giang 2020*. Nxb. Thống kê.
- Hoàng Cẩm & Phạm Quỳnh Phương. (2012). *Diễn ngôn, chính sách và sự biến đổi văn hóa sinh kế tộc người*. Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường.
- Ngô Thị Phương Lan. (2012). Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Nghiên cứu con người*. Số 3.
- Ngô Thị Phương Lan. (2017, 2019). *Sinh kế tộc người trong bối cảnh Việt Nam đương đại*. Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- P. Taylor. (2014). *The Khmer lands of Vietnam: Environment, cosmology and sovereignty*. NUS Pres.
- Phạm Thanh Thôi. (2014). Xây dựng nông thôn mới ở vùng người Khmer: thách thức của sự nghèo đói, sinh kế và di cư. *Tạp chí Đại học Mở*. Số 9 (1).
- Samuel L. Popkin. (1979). *The rational Peasant. The political Economy of rural Society in Vietnam*. University of California Press. Ltd. USA.
- Scott James C. (1976). *The Moral Economy of the Peasant. Rebellion and Subsistence in Southeast Asia*. New Haven. Yale University Press.
- Vương Xuân Tình. (Chủ biên, 2020). *Các dân tộc ở Việt Nam*. t.3. *Nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.